

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 78/2023/DS-GĐT

Ngày: 10/4/2023

V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất

FDVN LAW FIRM

Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng giám đốc thẩm gồm có 10 thành viên Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia xét xử, do ông Bùi Đức Xuân - Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh làm Chủ tọa phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Vũ Phương - Thẩm tra viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Hà Văn Đ**, sinh năm 1956. Địa chỉ: Khu vực Th, phường T, quận Th, thành phố C.

2. *Bị đơn*: Bà **Đoàn Kim Đn**, sinh năm 1957. Địa chỉ: ấp Đ, xã ĐB, huyện TL, thành phố C.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1 Ủy ban nhân dân huyện TL;

3.2 Bà Đoàn KL, sinh năm 1973;

3.3 Bà Đoàn ML, sinh năm 1958;

3.4 Bà Đoàn Kim Tr, sinh năm 1959;

3.5 Ông Đoàn Văn N, sinh năm 1966;

3.6 Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1968;

3.7 Ông Đoàn Văn Ch, sinh năm 1970;

3.8 Ông Đoàn Văn M, sinh năm 1973;

3.9 Bà Đoàn Thị Mười Nh, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Cùng trú tại ấp Đ, xã ĐB, huyện TL, thành phố C.

3.10 Hà Minh T;

- 3.11 Hà Kim Ng;
- 3.12 Hà Mỹ X;
- 3.13 Hà Minh S;
- 3.14 Hà Mỹ XN.

Cùng trú tại: khu vực Th 1, phường TA, quận Th, thành phố C (Anh T, chị Ng, chị X, anh S, chị XN là con của ông Hà Văn Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Hà Văn Đ trình bày:

Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là GCNQSDĐ) số 00138 ngày 28/10/1991 của Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) huyện OM, tỉnh C đã cấp cho ông tổng diện tích 3.0570m² đất (gồm thửa 106 diện tích 17.470m²; thửa 80 diện tích 13.100m²). Tại GCNQSDĐ cùng số 00138 ngày 30/11/1994 đã cấp lại cho ông tổng diện tích 3.0570m² đất (gồm thửa 106 diện tích 17.470m²; thửa 80 diện tích 13.100m²). Tại GCNQSDĐ cùng số 001038 ngày 31/5/1997 đã cấp cho ông tổng diện tích 1.609,4m² đất (gồm thửa 106 diện tích 17.470m², ông đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kim Ln 14.476m² còn lại 2.994m²; thửa 80 diện tích 13.100m²). Đất được cấp tại 03 GCNQSDĐ trên tọa lạc tại ấp T, xã ĐT, huyện OM, tỉnh C (cũ) nay là ấp Đ, xã ĐB, huyện TL, thành phố C.

Năm 1991, ông canh tác khoảng 02 năm thì về huyện Th sinh sống. Khi đi, ông cho người tên Dg (không nhớ địa chỉ) mượn diện tích 13.100m² để canh tác giá 4 chỉ vàng 24K. Ông Dg canh tác một thời gian thì yêu cầu ông trả lại 04 chỉ vàng 24K vì cụ Mt đòi đất. Ông chỉ nghe nói cụ Mt có quyết định gì của UBND huyện nên lấy lại đất. Khi hay tin, ông có khiếu nại cụ Mt ra UBND xã ĐB giải quyết, nhưng chờ khoảng 01 năm không thấy UBND mời làm việc. Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông phải lo kinh tế nên không tiếp tục khiếu kiện nữa. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đoàn Kim Đn trả lại diện tích 13.100m² đất đã chiếm dụng của ông.

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Do cụ Đoàn Văn B khai mở từ trước năm 1962, đến khi ông lớn lên thì cùng cụ B canh tác phần đất này. Ông canh tác đến năm 1984 thì tập đoàn giao đất cho hộ B, đến năm 1989 giao lại cho ông. Trước đây cụ Trần Văn PH lấy đất làm khoảng 4 đến 5 năm, sau đó đưa cho cụ Đoàn Văn G từ khoảng năm 1964-1965. Đến năm 1966 cụ Võ Thị Mt (vợ cụ G) tiếp tục sử dụng trên phần đất này. Năm 1989 có chủ trương trả lại đất thì ông và cụ B được nhận lại, năm 1991 được UBND xã ĐB quyết định cấp đất cho ông trên cơ sở xem xét khiếu tố với bà Đn, năm 1994 ông được cấp GCNQSDĐ. Năm 1997, ông có nhu cầu tách thửa nên giấy đất cấp đổi lại. Ông canh tác được thời

gian và cho ông Dg mượn thì bị bà Đn chiếm dụng canh tác. Ông đi khiếu kiện đòi lại đất tại chính quyền ấp, xã nhưng không được giải quyết. Đến khi vợ của ông là bà Nguyễn Thị T lâm bệnh nặng, ông bận lo cho vợ nên không có điều kiện khiếu kiện cho đến ngày 03/11/2016 mới được UBND xã ĐB hòa giải. Đối với quyết định giải quyết khiếu nại số 327/QĐ.UB ngày 22/8/1995 của UBND huyện OM, ông xác định không biết và không được UBND huyện OM (cũ) triển khai hay giao nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Đoàn Kim Đn trình bày:

Bà không đồng ý với lời trình bày và yêu cầu của phía nguyên đơn. Năm 1962 mẹ của bà là cụ Võ Thị Mt (sinh năm 1932, chết 27/5/2010) có mua lại của vợ chồng cụ Trần Văn PH, Phan Thị Th 30.000m² đất (trong đó có phần đất 13.100m² hiện đang tranh chấp) với giá 20 gạ lúa (gọi là trả chi phí cải tạo đất, khi mua không có giấy tờ gì). Cụ PH có con là ông Trần Văn Dũng E và Trần Hùng B. Cụ Mt được cấp chứng thư sở hữu năm 1972-1973. Đến năm 1984 bị cắt xâm canh và tập đoàn cấp cho ông Phạm S và ông Nguyễn Văn T diện tích 13.100m². Năm 1989, ông S và ông T trả lại cho gia đình bà và gia đình bà canh tác; việc trả đất không có lập biên bản. Năm 1991 ông Hà Văn Đ về đòi lại phần đất này, gia đình bà khiếu kiện không đồng ý. Đến ngày 25/8/1995, UBND huyện OM (cũ) ra Quyết định số 327/QĐ.UB ngày 22/8/1995 trả lại quyền sử dụng cho mẹ bà là cụ Võ Thị Mt và buộc ông Đ phải giao lại phần đất nói trên. Sau khi có Quyết định của UBND huyện OM, gia đình bà lấy lại đất sử dụng đến nay.

Bà không hiểu lý do vì sao gia đình bà có quyết định được sử dụng đất này từ năm 1995 và sử dụng đến nay nhưng ông Hà Văn Đ lại có GCNQSDĐ năm 1997. Bà xác định những đồng thừa kế với bà không có tranh chấp gì liên quan đến phần diện tích 13.100m² tại thửa 80 mà bà và ông Hà Văn Đ đang tranh chấp mà do bà quyết định vấn đề tranh chấp với ông Đ. Bà yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông Đ và yêu cầu được ổn định diện tích 13.100m² để được cấp GCNQSDĐ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Đoàn Thị Mười Nh: Bà xác định không có trình bày gì, không có yêu cầu độc lập trong vụ án

Những người con ông Đ gồm các anh, chị: T, Ng, X, S, XN: đồng ý giao toàn bộ việc tranh chấp cho ông Đ quyết định và không có yêu cầu gì.

UBND huyện TL có văn bản ý kiến tại Công văn số 26/UBND- TNMT ngày 15/01/2020:

1. Đối với hồ sơ giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Hà Văn Đ với cụ Võ Thị Mt và các căn cứ để ban hành Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 1995 và các biên bản giao nhận (tổng đạt) triển khai quyết định nêu trên. Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ lưu trữ: UBND huyện TL chưa tìm thấy hồ sơ liên quan đến vụ việc này nên không có cơ sở trả lời theo yêu cầu của Tòa án.

2. Việc cấp GCNQSDĐ cho ông Hà Văn Đ: Ngày 07 tháng 5 năm 1997, ông Hà Văn Đ lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kim Ln một phần thửa 106, diện tích 14.476m² và phần còn lại được cấp dựa trên cơ sở GCNQSDĐ số 000138 do UBND huyện OM (cũ) cấp ngày 30/11/1994.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện TL có văn bản ý kiến tại Công văn số 24/CV-CV.VPĐKĐĐ ngày 26/5/2020:

Qua kiểm tra rà soát hồ sơ lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện TL không tìm thấy hồ sơ có liên quan đến căn cứ ra Quyết định số 327/QĐ-UB ngày 22/8/1995 của UBND huyện OM (cũ) và các biên bản giao nhận (tổng đạt) triển khai quyết định nêu trên. Ngày 30 tháng 11 năm 1994, ông Hà Văn Đ được cấp GCNQSDĐ số 000138 gồm thửa 106 diện tích 17.470m² và thửa 80 diện tích 13.100m². Đến ngày 07 tháng 5 năm 1997, ông Hà Văn Đ lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kim Ln tại một phần thửa 106 diện tích 14.476m². Phần diện tích còn lại của ông Hà Văn Đ gồm thửa 106 (phần còn lại sau khi chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kim Ln) và thửa 80 được cấp lại giấy chứng nhận số 000138 ngày 31 tháng 5 năm 1997 dựa trên GCNQSDĐ số 000138 cấp ngày 30 tháng 11 năm 1994 (nhập giấy cũ).

Tại công văn số 371/UBND ngày 05/3/2021, UBND quận OM có ý kiến:

Liên quan đến việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất nông nghiệp địa chỉ thửa đất ấp Đ, xã ĐT, huyện OM, tỉnh C đối với cụ Võ Thị Mt và ông Hà Văn Đ; Ngày 10/01/2020 Thanh tra quận OM đã có Công văn số 05/TTr về việc phúc đáp Công văn số 02/CV.TA ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TL với nội dung: Thanh tra quận OM không còn lưu trữ hồ sơ liên quan đến các vụ việc thuộc địa bàn huyện CĐ trước đây và địa bàn huyện TL ngày nay. Thanh tra quận OM không thể trả lời các vấn đề liên quan đến vụ việc này theo yêu cầu của Tòa án nhân dân huyện TL, vì Thanh tra quận OM không có thẩm quyền có ý kiến đối với các vụ việc ngoài địa bàn OM. Về hồ sơ cấp giấy lưu trữ do thời điểm chia tách địa giới hành chính giữa quận OM và huyện CĐ, hồ sơ cấp GCNQSDĐ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận OM (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận OM) đã bàn giao hồ sơ lưu trữ địa chính cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện CĐ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 26/4/2021, Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố C, đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn Đ. Buộc bà Đoàn Kim Đn có trách nhiệm giao trả cho ông Hà Văn Đ diện tích đất 13.100m², loại đất trồng lúa, thửa số 80, tờ bản đồ 04, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã ĐB, huyện TL, thành phố C.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/5/2021, bà Đoàn Kim Đn kháng cáo Bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 71/2022/DS-PT ngày 15/4/2022, Tòa án nhân dân thành phố C, đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Kim Đn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện TL. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn Đ.

Buộc bà Đoàn Kim Đn có trách nhiệm giao trả cho ông Hà Văn Đ diện tích đất 13.100m², loại đất trồng lúa, thửa số 80, tờ bản đồ 04, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã ĐB, huyện TL, thành phố C.

Ngày 22/5/2022, bà Đoàn Kim Đn làm đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 251/QĐ-VKS-DS ngày 23/11/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 71/2022/DS-PT ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C theo hướng hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố C. Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố C để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Hà Văn Đ khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Kim Đn trả lại diện tích 13.100m² đất tại thửa số 80, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp T, xã ĐT, huyện OM, tỉnh C (cũ), hiện nay là ấp Đ, xã ĐB, huyện TL, thành phố C. Toàn bộ diện tích đất trên ông Đ được UBND huyện OM cấp GCNQSDĐ ngày 31/5/1997. Bà

Đoàn Kim Đn cho rằng diện tích đất tranh chấp trên, UBND huyện OM đã ban hành Quyết định số 327/QĐ.UB ngày 22/8/1995 công nhận diện tích 13.100m² đất cho mẹ của bà là cụ Võ Thị Mt. Sau khi nhận Quyết định nêu trên, gia đình bà nhận đất và sử dụng ổn định đến nay nên bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Đ và yêu cầu hủy GCNQSDD của UBND huyện OM đã cấp cho ông Hà Văn Đ, công nhận diện tích đất tranh chấp cho bà.

[2] Theo hồ sơ vụ án, ông Hà Văn Đ đã được UBND huyện OM, tỉnh C cấp quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

+ Tại GCNQSDD số 00138 ngày 28/10/1991 đã cấp tổng diện tích 3.0570m² đất (gồm thửa 106 diện tích 17.470m²; thửa 80 diện tích 13.100m²).

+ Tại GCNQSDD số 00138 ngày 30/11/1994 đã cấp tổng diện tích 3.0570m² đất (gồm thửa 106 diện tích 17.470m²; thửa 80 diện tích 13.100m²).

+ Tại GCNQSDD số 001038 ngày 31/5/1997 đã cấp tổng diện tích 1.609,4m² đất (gồm thửa 106 diện tích 17.470m², ông Đ đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kim Ln 14.476m² còn lại 2.994m²; thửa 80 diện tích 13.100m²).

[3] Tại Quyết định số 327/QĐ.UB ngày 22/8/1995 của UBND huyện OM, tỉnh C đã quyết định:

“ĐIỀU 1:

a) Thừa nhận diện tích 13.100m² đất nông nghiệp tọa lạc tại ấp Đ, xã ĐT, huyện OM, tỉnh C (tức là phần đất đang tranh chấp) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Võ Thị Mt.

b) Thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000138 do UBND huyện OM cấp cho ông Hà Văn Đ ngày 30 tháng 11 năm 1994 để điều chỉnh lại cho phù hợp.

c) Buộc ông Hà Văn Đ giao lại cho bà Võ Thị Mt diện tích đất 13.100m² thuộc thửa số 80 (nói ở điểm a điều này) để bà Mt sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

d) Giữ ổn định cho ông Hà Văn Đ được quyền sử dụng hợp pháp diện tích 17.470m² đất thuộc thửa 106 đúng mục đích sản xuất nông nghiệp...”.

ĐIỀU 2:

a) Ông Hà Văn Đ và bà Võ Thị Mt nói ở Điều 1 có trách nhiệm tuân thủ chấp hành quyết định này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được giao quyết định.”.

[3] Theo quy định của pháp luật, Quyết định số 327/QĐ.UB ngày 22/8/1995 của UBND huyện OM, tỉnh C là quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai (trong Quyết định 327/QĐ.UB không thể hiện rõ

có hiệu lực từ thời điểm nào). Trong vụ án này tồn tại hai quyết định hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là: Quyết định số 327/QĐ.UB ngày 22/8/1995 của UBND huyện OM, tỉnh C về việc buộc ông Đ giao lại cho cụ Mt diện tích 13.100m² thuộc thửa 80; GCNQSDĐ ngày 31/5/1997 cấp cho ông Đ cũng với diện tích 13.100m² thuộc thửa 80.

Lẽ ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm phải làm rõ, xem xét tính hợp pháp, có căn cứ, tính có hiệu lực của các quyết định hành chính và đối chiếu các quy định của pháp luật để xem xét hủy quyết định cá biệt nào trái pháp luật của của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết mới đúng quy định tại Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp Quyết định số 327/QĐ.UB ngày 22/8/1995 của UBND huyện OM, tỉnh C có hiệu lực pháp luật, Tòa án phải xem xét, đánh giá thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự “*Sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của... cơ quan nhà nước có thẩm quyền...*”, từ đó xem xét, quyết định việc áp dụng hay không áp dụng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo đúng quy định của pháp luật.

Trên cơ sở nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm nhận định: “*Về Quyết định 327/QĐ.UB ngày 22/8/1995 của UBND quận OM (cũ), quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ làm rõ về lý do ban hành cũng như việc triển khai, thi hành Quyết định thì cơ quan có thẩm quyền liên quan không còn lưu trữ hồ sơ nên không có cơ sở xem xét Quyết định 327 này được ban hành trên cơ sở nào, đã được triển khai cho các đương sự hay chưa và cho đến nay cũng chưa có cơ sở khẳng định phía nguyên đơn biết được Quyết định 327 này, do đó Quyết định này không là căn cứ để giao đất cho phía bị đơn*”. Nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm là không đúng quy định của pháp luật.

Do vụ án liên quan đến việc hủy quyết định cá biệt là quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai của UBND cấp huyện nên căn cứ khoản 4 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh nên Hội đồng xét xử giám đốc thẩm hủy bản án sơ thẩm và Bản án phúc thẩm, giao vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết theo thẩm quyền.

[4] Về việc định giá tài sản tranh chấp:

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 22/8/2019 của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện: “*các thành viên Hội đồng định giá thống nhất...phần đất tranh chấp tại*

thửa 80 nêu trên có giá $70.000 \text{ đồng/m}^2 = 917.000.000 \text{ đồng}$ ". Biên bản định giá không thể hiện Hội đồng định giá xác định giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp là Nhà nước hay giá thị trường. Quá trình giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần làm rõ nội dung này để giải quyết vụ án theo đúng quy định tại Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325, Điều 337, Điều 342, Điều 343, Điều 348, Điều 349 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 251/QĐ-VKS-DS ngày 23/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 71/2022/DSPT ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DSST ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện TL đối với vụ án "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" giữa nguyên đơn là ông Hà Văn Đ, bị đơn là bà Đoàn Kim Đn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được liệt kê tại trang 1, trang 2 của quyết định này.

Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thành phố C xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực kể từ ngày ra quyết định ./.

Nơi nhận:

- Chánh án (để báo cáo);
 - Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
 - VKSNDCC tại TP.HCM (để biết);
 - TAND thành phố C;
 - TAND huyện TL;
 - Chi cục THADS huyện TL;
 - Các đương sự (theo địa chỉ);
 - Lưu VP, Phòng HCTP, Phòng GDKTIII, HSVA.
- VPg

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Xuân